

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 345/TTr-STC ngày 29/05/2026 và Kết luận phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nội dung về kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 419/TB-UBND ngày 31/05/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các

dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), tổ chức chính trị.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và thực hiện hoạt động quy hoạch.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo Nghị định số 104/2026/NĐ-CP

1. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ.

a) Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 30 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện (bao gồm nhiệm vụ và dự kiến kinh phí của cơ quan, đơn vị trực thuộc).

b) Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ

15 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng/nhiệm vụ: Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thực hiện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí (bao gồm nhiệm vụ và dự kiến kinh phí của cơ quan, đơn vị trực thuộc).

c) Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 15 tỷ đồng/nhiệm vụ: Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thực hiện, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí của đơn vị.

d) Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ: Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí của đơn vị.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ của các đơn vị dự toán cấp I của xã, phường sử dụng dự toán ngân sách xã, phường.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

a) Đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 02 tỷ đồng/nhiệm vụ đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thực hiện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện của cơ quan, đơn vị (bao gồm nhiệm vụ và dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị trực thuộc).

b) Đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 02 tỷ đồng/nhiệm vụ: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện của cơ quan, đơn vị (bao gồm nhiệm vụ và dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị trực thuộc).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng

mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các đơn vị dự toán cấp I của xã, phường sử dụng dự toán ngân sách xã, phường.

3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt dự kiến kinh phí thực hiện hoạt động quy hoạch của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của xã, phường sử dụng dự toán ngân sách xã, phường.

4. Sau khi được cấp có thẩm quyền phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trường hợp dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản: 1, 2, 3 Điều này khác với dự kiến kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước đã được phê duyệt theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì cấp có thẩm quyền quy định tại Điều này có trách nhiệm rà soát, ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và đang thực hiện dở dang thì tiếp tục thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí vốn trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng nguồn kinh phí ở thời điểm phê duyệt dự toán cho đến khi quyết toán nhiệm vụ. Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý sử dụng nguồn kinh phí được giao bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

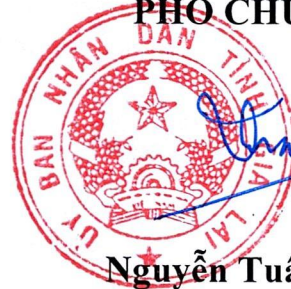
4. Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/ND-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như khoản 5 Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh; các đoàn thể chính trị;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐ và CVVPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, T5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh